

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Hạng mục: Khắc phục xói lở trục tiêu Lạch Mới, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ

Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn

Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 195/TTr-BQL ngày 14/9/2017 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 3337/SNN-QLXDCT ngày 13/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, hạng mục Khắc phục xói lở trục tiêu Lạch Mới, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn thuộc dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định, với các nội dung chính như sau:

1. Tên hạng mục: Khắc phục xói lở trực tiêu Lạch Mới, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

2. Thuộc dự án: Dự án thành phần Sửa chữa, nâng cấp đê sông La Tinh và sông Cạn, dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

3. Loại và cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

6. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC và dự toán: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm dự án: Ông Đỗ Cảnh Hào;
- Chủ trì khảo sát địa hình: Ông Nguyễn Trọng Nhật (giai đoạn DADT);
- Chủ trì khảo sát địa chất: Ông Nguyễn Xuân Mong (giai đoạn DADT);
- Chủ trì thiết kế: Ông Đặng Khoa Thi;
- Chủ trì dự toán: Ông Hoàng Đình Giáp.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô thiết kế:

- Sửa chữa, khắc phục và nâng cấp 1.390,70m trực tiêu Lạch Mới, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, nhằm khôi phục sản xuất, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân, giảm thiểu rủi ro do thiên tai gây ra; chống xói lở bờ sông, giữ ổn định lòng dẫn và tăng cường khả năng thoát lũ của sông.

- Kết hợp làm đường giao thông trên mặt kè để phục vụ đời sống, sản xuất của nhân dân, bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão xảy ra làm chia cắt cô lập các khu vực vùng hạ lưu.

- Cải tạo môi trường sinh thái dọc tuyến sông.

8.2. Chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Loại công trình		Nông nghiệp và PTNT
II	Cấp công trình	cấp	IV
III	Tần suất thiết kế	%	10
III.1	Tần suất chống lũ		10% đối với lũ sớm, lũ muộn, lũ tiểu mãn
III.2	Chấp nhận cho nước tràn qua khi xảy ra lũ chính vụ	%	10
IV	Phần kè		
	Kè bờ hữu		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
IV.1	Kè đoạn 1: Từ K0 đến K0+140,50m		
1	Chiều dài kè	m	140,50
2	Cao trình đỉnh kè	m	2.20
3	Cao trình đỉnh chân kè	m	0.40
4	Chiều rộng mặt kè	m	4,0 (Đường giao thông nông thôn loại C)
5	Hệ số mái kè phía sông		Giữ nguyên gia cố hiện trạng
6	Hệ số mái kè phía đồng		Giữ nguyên trồng cỏ hiện trạng
7	Kết cấu mặt kè		Bê tông M250
8	Kết cấu thân kè		Đất kè cũ và đắp đất cấp 3 đảm bảo chặt K=0,95
9	Gia cố mái kè phía sông		Giữ nguyên mái đá lát hiện trạng
10	Gia cố mái kè phía đồng		Không trồng cỏ
11	Gia cố chân kè phía sông		Xếp bù lạng trụ đá học hiện trạng có đỉnh rộng 2,5m, hệ số mái m=2,0
IV.2	Kè đoạn 2: Từ K0+140,50m đến K0+484,15m		
1	Chiều dài kè	m	343,65
2	Cao trình đỉnh kè	m	2.20
3	Cao trình đỉnh chân kè	m	0.40
4	Chiều rộng mặt kè	m	4,0 (Đường giao thông nông thôn loại C)
5	Hệ số mái kè phía sông		2,00
6	Hệ số mái kè phía đồng		1,50
7	Kết cấu mặt kè		Bê tông M250
8	Kết cấu thân kè		Đất kè cũ và đắp đất cấp 3 đảm bảo chặt K=0,95
9	Gia cố mái kè phía sông		Đá học lát khan, đệm dăm và lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT
10	Gia cố mái kè phía đồng		Không trồng cỏ
11	Gia cố chân kè phía sông		Dầm BTCT, nằm trên lạng trụ đá học đổ rồi
IV.3	Kè đoạn 3: Từ K0+484,15m đến K0+536,05m		
1	Chiều dài kè	m	51,90
2	Cao trình đỉnh kè	m	2.20 ÷ 1.80
3	Cao trình đỉnh chân kè	m	0.40 ÷ 0.00

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
4	Chiều rộng mặt kè	m	4,0 (Đường giao thông nông thôn loại C)
5	Hệ số mái kè phía sông		2,00
6	Hệ số mái kè phía đồng		1,50
7	Kết cấu mặt kè		Bê tông M250
8	Kết cấu thân kè		Đất kè cũ và đắp đất cấp 3 đầm chặt K=0,95
9	Gia cố mái kè phía sông		Đá hộc lát khan, đệm dăm và lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT
10	Gia cố mái kè phía đồng		Không trồng cỏ
11	Gia cố chân kè phía sông		Dầm BTCT, nằm trên lãng trụ đá hộc đổ rời
IV.4	Kè đoạn 4: Từ K0+536,05m đến K1+165,75m		
1	Chiều dài kè	m	629,70
2	Cao trình đỉnh kè	m	1.80
3	Cao trình đỉnh chân kè	m	0.00
4	Chiều rộng mặt kè		4,0 (Đường giao thông nông thôn loại C)
5	Hệ số mái đê phía sông		2,00
6	Hệ số mái đê phía đồng		1,50
7	Kết cấu mặt kè		Bê tông M250
8	Kết cấu thân kè		Đất kè cũ và đắp đất cấp 3 đầm chặt K=0,95
9	Gia cố mái kè phía sông		Đá hộc lát khan, đệm dăm và lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT
10	Gia cố mái kè phía đồng		Không trồng cỏ
11	Gia cố chân kè phía sông		Dầm BTCT, nằm trên lãng trụ đá hộc đổ rời
IV.5	Kè đoạn 5: Từ K1+165,75m đến K1+390,70m		
1	Chiều dài kè	m	224,95
2	Cao trình đỉnh kè	m	1.80
3	Chiều rộng mặt kè	m	4,0 (Đường giao thông nông thôn loại C)
4	Hệ số mái đê		1,50
5	Kết cấu mặt kè		Bê tông M250
6	Kết cấu thân kè		Đất kè cũ và đắp đất cấp 3 đầm chặt K=0,95

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
V	Công trình trên kè		
	Kè bờ hữu:		
1	Cống D800mm tại K0+135,60m		Giữ nguyên, thay mới cửa van SUS
2	Cống D1000mm tại K0+309,10m		Giữ nguyên, thay mới cửa van SUS
3	Cống D1000mm tại K0+479,05m		Giữ nguyên, thay mới cửa van SUS
4	Cống D1200mm tại K0+787,70m		Làm mới
4.1	Cao trình đặt cống	m	-0.30
4.2	Chiều dài thân cống	m	6,00
4.3	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT D800mm. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M250
4.4	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
5	Cống D800mm		Xây dựng mới 06 vị trí
			Tại K0+558,55m
			Tại K0+583,15m
			Tại K0+757,80m
			Tại K0+854,50m
			Tại K0+931,10m
			Tại K1+93,00m
5.1	Cao trình đặt cống	m	-0.30
5.2	Chiều dài thân cống	m	6,00
5.3	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT D800mm. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M250
5.4	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
6	Cống D600mm tại K0+221,50m		
6.1	Cao trình đặt cống	m	0.20
6.2	Chiều dài thân cống	m	6,00
6.3	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT D600mm. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M250
6.4	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
7	Cống D600mm tại K0+693,80m		
7.1	Cao trình đặt cống	m	-0.20



TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
7.2	Chiều dài thân cống	m	6,00
7.3	Kết cấu cống		Thân cống bằng ống buy BTLT D600mm. Cửa vào, cửa ra bằng bê tông M250
7.4	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
8	Cống hộp 2 cửa x 2m tại K1+131,65m		
8.1	Cao trình đặt cống	m	-0.90
8.2	Chiều dài thân cống	m	5,70
8.3	Kết cấu cống		BTCT M300 đá 1x2cm, gia cố nền cống bằng ống buy BTLT D800mm dài 4m
8.4	Hình thức đóng mở cống		Cửa van phẳng + Máy đóng mở Vítme
9	Sửa chữa tràn Hòa Hội Bắc		
9.1	Cao trình ngưỡng tràn	m	2.55
9.2	Bề rộng ngưỡng tràn	m	3,00
9.3	Chiều dài ngưỡng tràn	m	67,55
9.4	Chiều dài bề tiêu năng (hiện trạng)	m	4,80
9.5	Chiều sâu bề tiêu năng (hiện trạng)	m	0,80
9.6	Chiều dài sân sau (hiện trạng)	m	5,80

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 17.198.444.000 đồng.

(Muoi bảy tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 14.548.382.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 238.064.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 550.918.000 đồng;
- Chi phí khác : 761.806.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.099.274.000 đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay của ngân hàng Thế giới WB từ nguồn vốn IDA và vốn đối ứng ngân sách Nhà nước.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

12. Phương thức thực hiện: Theo quy định của ngân hàng Thế giới, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định của ngân hàng Thế giới (WB).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *Uê MB*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (14b) *mb*



Hồ Quốc Dũng